TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 – HUẾ	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 198/2026/QĐST-HNGĐ	*Thành phố Huế, ngày 20 tháng 4 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - HUẾ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 57 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 56/2026/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 01 năm 2026 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông Huỳnh Công T, sinh năm 1972; căn cước công dân số: 046072006007, cấp ngày 20/9/2024, tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Địa chỉ: P Cư xá Đ, phường T, thành phố Huế.

- Bà Trương Thị T1, sinh năm 1980; căn cước công dân số: 046180010887, cấp ngày 09/5/2021, tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Địa chỉ: Số B đường D, phường A, thành phố Huế.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Huỳnh Công T và bà Trương Thị T1 đăng ký kết hôn vào ngày 09/6/2010 tại Ủy ban nhân dân phường V, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là phường T, thành phố Huế) trên cơ sở tự nguyện nên quan hệ hôn nhân giữa ông T và bà T1 là hợp pháp. Sau khi kết hôn, ông T và bà T1 chung sống hạnh phúc được một thời gian, đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình, quan điểm sống không còn hợp nhau, vợ chồng không có tiếng nói chung. Ông T và bà T1 đã sống ly thân 10 năm. Xét thấy, mâu thuẫn giữa vợ chồng ông T và bà T1 đã trầm trọng, đời sống chung không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được, việc thuận tình ly hôn giữa ông T và bà T1 là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, nên cần công nhận việc thuận tình ly hôn giữa ông T và bà T1.

[2] Về con chung: Ông T và bà T1 xác nhận không có con chung.

[3] Về tài sản chung, nghĩa vụ về tài sản: Ông T và bà T1 trình bày không có tài sản chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; vợ chồng không vay nợ ai, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Huỳnh Công T và bà Trương Thị T1 thuận tình ly hôn.
- Về con chung: Ông T và bà T1 xác nhận không có con chung.
- Về tài sản chung: Ông T và bà T1 xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nghĩa vụ về tài sản: Ông T và bà T1 xác nhận không vay nợ ai, nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông Huỳnh Công T và bà Trương Thị T1 mỗi người phải chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000220 ngày 21 tháng 01 năm 2026 của Thi hành án dân sự thành phố Huế. Ông T và bà T1 đã nộp đủ lệ phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND thành phố Huế;
- VKSND khu vực 1 - Huế;
- THADS thành phố Huế;
- UBND phường Thuận Hóa, TP Huế (*ĐKKH số 19 ngày 09/6/2010 tại UBND phường Vĩnh Ninh cũ);*
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Lê Văn Hạnh